

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân
sách trung ương cho các xã thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA
KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;

Xét Tờ trình số 39/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa về việc ban hành Kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 nguồn vốn ngân sách trung ương cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-HĐND ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách trung ương là 8.400 triệu đồng cho các xã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết. Thực hiện theo nội dung đề nghị tại Báo cáo thẩm tra số 04/BC-HĐND ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa khóa XII, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, TT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH
_____**Nguyễn Tấn Lực**

Phụ lục
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN CTMTQG NTM NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2024 của HĐND huyện Tư Nghĩa)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án hoàn thành				Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 phê duyệt				Kế hoạch vốn đã giao				Kế hoạch vốn năm 2024		Ghi chú	
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số		Trong đó:
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	22
	Tổng số					33,975.475	24,912.081	2,042.600	7,020.794	33,614.254	25,447.243	2,042.600	7,154.711	18,020.112	11,984.000	1,637.200	5,571.005	8,400	8,400	
I	Bổ trí dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng					20,905.344	14,747.876	1,750.800	4,406.668	21,573.624	15,282.419	1,750.800	4,540.405	15,200.112	10,034.000	1,637.200	4,701.005	3,874	3,874	
I.1	Xã Nghĩa Mỹ					1,891.763	1,513.411	-	378.352	2,230.000	1,784.000	-	446.000	1,566.800	1,120.800	-	446.000	392.611	392.611	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến Huỳnh Văn Bôn - Cầu Móng (Đoạn từ Cầu kênh - Đốc xe lửa)	xã Nghĩa Mỹ	220 m	2022	86, 27/3/2023	926.431	741.145		185.286	1,130.000	904.000		226.000	686.800	460.800		226.000	280.345	280.345	
2	KCH kênh N16-3-3 - Rộc té	xã Nghĩa Mỹ	800 m	2023	13, 13/01/2023	965.332	772.266		193.066	1,100	880		220	880	660		220	112.266	112.266	
I.2	Xã Nghĩa Hiệp					4,610.0	2,548.2	1,091.8	970.0	4,610.0	2,548.2	1,091.8	970.0	3,309.0	1,360.8	978.2	970.0	700.000	700.000	
1	Sửa chữa tuyến đường từ Gò Danh đi Đồng Phần, xã Nghĩa Hiệp	xã Nghĩa Hiệp	540 m	2022-2023	1040, 14/10/2022	1,150.0	720.0	200.0	230.0	1,150.0	720.0	200.0	230.0	890.8	460.8	200.0	230.0	130.000	130.000	
2	Sửa chữa Cầu Bà Siêng thôn Năng Xã	xã Nghĩa Hiệp	540 m	2022-2023	1041, 14/10/2022	950.0	231.8	528.2	190.0	950.0	231.8	528.2	190.0	718.2		528.2	190.0	110.000	110.000	
3	Khu thể thao thôn Năng Đông	xã Nghĩa Hiệp		2022-2023	1042, 14/10/2022	480.0	86.0	250.0	144.0	480.0	86.0	250.0	144.0	394.0		250.0	144.0	60.000	60.000	
4	Sửa chữa tuyến đường từ cầu Cá Lễ đến ngõ nhà Lương Trự	xã Nghĩa Hiệp	380 m	2022-2023	27, 12/01/2023	900.0	720.0		180.0	900.0	720.0		180.0	580.0	400.0		180.0	180.000	180.000	
5	Đường bê tông từ máy gao ông Cẩn đi Mương Vọng	xã Nghĩa Hiệp	800 m	2022-2023	520, 30/12/2023	1,130.0	790.4	113.6	226.0	1,130.0	790.4	113.6	226.0	726.0	500.0		226.0	220.000	220.000	
I.3	Xã Nghĩa Phương					1,660.468	1,328.375	-	332.093	1,709.300	1,367.400	-	341.900	900.000	900.000	-	332.093	428.375	428.375	
1	Kênh: Rộc Con Lương – Ngõ Mỹ - Bàn cờ	xã Nghĩa Phương	830.4m	2023	266, 02/11/2023	1,055.960	844.768		211.192	1,100	880		220	600	600	-	211.192	244.768	244.768	
2	Đường TCND: Đập Bà Thủ - Cầu An Sơm	xã Nghĩa Phương	349m	2023	267, 02/11/2023	604.508	483.607	-	120.901	609.3	487.4	-	121.9	300	300	-	120.901	183.607	183.607	
I.4	Xã Nghĩa Thương					2,130.752	1,704.602	-	426	2,185	1,748	-	437	1,871	1,361	-	510	222.940	222.940	
1	Nâng cấp mặt đường từ ngã tư Lúa đi nhà Nguyễn Trong	xã Nghĩa Thương	660m	2022	301, 23/11/2022	795.752	636.602		159.2	850.0	680.0		170.0	630.8	460.8		170	117.238	117.238	
2	Tuyến đường từ Gò Lúm đi ngã tư Tân Nghĩa	xã Nghĩa Thương	250m	2023	42, 16/01/2023	585.0	468.0		117.0	585.0	468.0		117.0	570.0	400.0		170	57.034	57.034	
3	Tuyến đường Nghĩa Thương đi Nghĩa Phương đoạn từ Gò San đến Trần Văn Cường	xã Nghĩa Thương	500m	2023	43, 16/01/2023	750.0	600.0		150.0	750.0	600.0		150.0	670.0	500.0		170	48.668	48.668	
I.5	Xã Nghĩa Trung					1,000.0	700.0	-	300.0	1,000.0	700.0	-	300.0	750.0	450.0	-	300.0	230.990	230.990	
1	Khu thể thao thôn An Hà 1	Nghĩa Trung		2023-2024	62, 15/02/2023	1,000.0	700.0		300.0	1,000.0	700.0		300.0	750.0	450.0		300.0	230.990	230.990	
I.6	Xã Nghĩa Kỳ					2,766.561	2,213.249	-	553.3	2,775.0	2,220.0	-	555.0	1,914.1	1,360.8	-	553.3	654.598	654.598	
1	HTX NN Nghĩa Kỳ Đông - TXNN Nghĩa Kỳ Tây	xã Nghĩa Kỳ	806m	2022-2023	2208, 14/10/2022	1,150	920		230	1,150	920		230	691	460.8		230	301.028	301.028	
2	NVC 16-BS	xã Nghĩa Kỳ	1000m	2023-2025	38, 22/02/2023	1,100	880		220	1,100	880		220	820	600		220	240.321	240.321	
3	KCH Kênh VC16-4,1	xã Nghĩa Kỳ	350m	2023-2025	341, 31/12/2023	516.561	413.249		103.312	525	420		105	403	300		103	113.249	113.249	
I.7	Xã Nghĩa Hòa					1,568.359	1,254.687	-	313.672	1,724.0	1,379.2	-	344.8	1,106.0	760.8	-	345.2	493.887	493.887	
1	BTXM tuyến đường từ Trần Phú Hữu - Mai Xuân Niễn	xã Nghĩa Hòa	1000 m	2022-2023	292,25/11/2022	994.335	795.468		198.867	1,150.0	920.0		230.0	690.8	460.8		230	334.668	334.668	
2	Nâng cấp mặt đường tuyến Nguyễn Thanh Hồng - Nguyễn Mau	xã Nghĩa Hòa	820 m	2022-2023	36,22/02/2023	574.024	459.219		114.805	574.0	459.2		114.8	415.2	300.0		115.2	159.219	159.219	
I.8	Xã Nghĩa Thăng					2,437.877	1,950.302	-	488	2,486	1,989	-	497	1,361	1,361	-	596	589.502	589.502	
1	Đường thôn: Tuyến Ngõ ông Chức-giáp ngõ bà Lâm (thôn An Cư)	xã Nghĩa Thăng	800m	2022-2023	336, 10/8/2023	975.908	780.726		195.182	986.300	789.000		197.300	460.800	460.800		296	319.926	319.926	
2	Đường thôn: Tuyến Ngõ ông Phạm Hiền- giáp ngõ cầu Ô Ô (thôn An Tây)	xã Nghĩa Thăng	1000m	2022-2023	58, 28/02/2023	1,461.969	1,169.575		292.394	1,500	1,200.000		300.000	900.000	900.000		300	269.575	269.575	
I.9	Xã Nghĩa Thuận					1,205.564	964.451	-	241.113	1,220.000	976.000	-	244.000	900.000	900.000	-	244.000	64.451	64.451	
1	KCH Kênh BM2-1 (Gò Tịnh)	Nghĩa Thuận	600m	2023-2025	67,28/2/2023	590.975	472.780		118.195	600.000	480.000		120.000	450.000	450.000		120.000	22.780	22.780	
2	KCH kênh N2-VC7-1	Nghĩa Thuận	400m	2023-2025	66,28/2/2023	614.589	491.671		122.918	620.000	496.000		124.000	450.000	450.000		124.000	41.671	41.671	
I.10	Xã Nghĩa Lâm					1,634.00	570.60	659.00	404.40	1,634.00	570.60	659.00	404.40	1,522.60	459.20	659.00	404.40	96.769	96.769	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án hoàn thành				Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025 phê duyệt				Kế hoạch vốn đã giao				Kế hoạch vốn năm 2024		Ghi chú	
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số		Trong đó:
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			
1	Kênh tuyến TB7 - Đồng Mới - Thỏ Máo (giai đoạn 1)	xã Nghĩa Lâm	150 m	2022-2023	1108/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	858.0	27.4	659.0	171.6	858.0	27.4	659.0	171.6	830.6	659.0	171.6	22.638	22.638		
2	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hoá thôn 1	xã Nghĩa Lâm		2023	118C.04/04/2023	776.0	543.2		232.8	776.0	543.2	-	232.8	692.0	459.2	232.8	74.131	74.131		
II	Bổ trí thực hiện chuyển tiếp					4,290.230	3,140.384	291.800	858.046	4,290.230	3,140.384	291.800	858.046	2,820.000	1,950.000	-	870.000	1,027	1,027	
III.1	Xã Nghĩa Trung					1,100.0	588.2	291.8	220.0	1,100.0	588.2	291.8	220.0	670.0	450.0	-	220.0	121.217	121.217	
1	BTXM Tuyến Ngõ 2 Hưu – Đường sắt	Nghĩa Trung	600m	2023-2024	66, 15/02/2023	1,100.0	588.2	291.8	220.0	1,100.0	588.2	291.8	220.0	670.0	450.0	-	220.0	121.217	121.217	
III.2	Xã Nghĩa Hòa					1,090.230	872.184	-	218.046	1,090.2	872.2	-	218.0	830.0	600.0	-	230.0	206.113	206.113	
1	BTXM + thoát nước tuyến đường từ kênh N8 đi đồng Năm Sáo	xã Nghĩa Hòa	460 m	2023-2025	102, 07/04/2023	1,090.230	872.184		218.046	1,090.2	872.2		218.0	830.0	600.0		230.0	206.113	206.113	
III.3	Xã Nghĩa Sơn					2,100	1,680	-	420	2,100	1,680	-	420	1,320	900	-	420	700	700	
1	Đường BTXM tuyến: Nhà ông Tre đi Đồng Lâm (giai đoạn 1)	Thôn 2, xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa	500 m	2023-2025	23, 11/01/2023	1,050	840.0		210.0	1,050	840		210	660	450		210	350	350	
2	Đường BTXM tuyến: Nhà ông Tre đi Đồng Lâm (giai đoạn 2)	Thôn 2, xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa	500 m	2023-2025	91, 04/03/2023	1,050	840.0		210.0	1,050	840		210	660	450		210	350	350	
III	Bổ trí Dự án khởi công mới năm 2024					8,779.901	7,023.821		1,756.080	7,750.400	7,024.440		1,756.260				3,499	3,499		
III.1	Xã Nghĩa Mỹ					784.400	627.500		156.900	784.4	627.5		156.9				307.389	307.389		
1	Nâng cấp, mở rộng cống thoát nước ông Được	xã Nghĩa Mỹ			276, 26/12/2023	784.400	627.500		156.900	784.4	627.5		156.9				307.389	307.389		
III.2	Xã Nghĩa Phương					584.000	467.200		116.800	584.0	467.2	-	116.8	-	-	-	-	271.625	271.625	
1	KCH Kênh Trạm bơm số 4 thôn Năng Tây 2	xã Nghĩa Phương	500m	2023-2025	328, 28/12/2023	584.000	467.200		116.800	584	467.2		116.8	0	0	0	0	271.625	271.625	
III.3	Xã Nghĩa Thương					884.001	707.201		176.800	884.4	707.5	-	176.9	-	-	-	-	477.060	477.060	
1	KCH kênh Mương Vọng -1 (kênh Bàng Bình)	xã Nghĩa Thương	580m	2024	364, 29/12/2023	884.001	707.201		176.800	884.4	707.5		176.9	-	-	-	-	477.060	477.060	
III.4	Xã Nghĩa Trung					1,100.00	880.00		220.00	1,100.00	880.00	-	220.00	-	-	-	-	347.793	347.793	
1	Dự án KCH kênh N10-4-2KD	Nghĩa Trung		2024	408, 27/12/2023	1,100.0	880.0		220.0	1,100.0	880.0		220.0					347.793	347.793	
III.5	Xã Nghĩa Kỳ					884.4	707.5		176.9	884.4	707.5	-	176.9	-	-	-	-	45.402	45.402	
1	Nâng cấp mặt đường BTXM tuyến ngõ ông Lê Thành Nguyên đến ngõ Hồ Văn Đoàn	Nghĩa Kỳ	400m	2024	18, 13/01/2024	884.4	707.5		176.9	884.4	707.5		176.9					45.402	45.402	
III.6	Xã Nghĩa Điển					1,183.800	947.000		236.800	1,183.800	947.000	-	236.800	-	-	-	-	700.000	700.000	
1	KCH kênh N6-5KD	Nghĩa Điển	1058 m	2024	352, 27/12/2023	1,183.800	947.000		236.800	1,183.800	947.000		236.800					700.000	700.000	
III.7	Xã Nghĩa Thắng					884.000	707.200		176.800	884.400	707.520	-	176.880	-	-	-	-	110.498	110.498	
1	Kênh N2-G-1-1	xã Nghĩa Thắng	700 m	2023-2025	425, 12/12/2023	884.000	707.200		176.800	884.400	707.520		176.880					110.498	110.498	
III.8	Xã Nghĩa Thuận					1,030.3	824.2		206.1	-	824.2	-	206.1	-	-	-	-	635.549	635.549	
1	KCH Kênh Bm2-2 (Hóc Mực)	Nghĩa Thuận	800 m	2024	332, 26/12/2023	700.0	560.0		140.0		560.0		140.0					434.349	434.349	
2	KCH kênh N2-VC7-2	Nghĩa Thuận	350 m	2024	331, 26/12/2023	330.3	264.2		66.1		264.2		66.1					201.200	201.200	
III.9	Xã Nghĩa Lâm					1,445.00	1,156.00		289.00	1,445.00	1,156.00	-	289.00	-	-	-	-	603.231	603.231	
1	Đường Cầu Lâm 2 - Trường THCS	xã Nghĩa Lâm	850m	2,024	23, 22/01/2024	1,445.0	1,156.0		289.0	1,445.0	1,156.0		289.0					603.231	603.231	